

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-4-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Quang Hoạch.

2. Ông Tạ Văn Đài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sùng A Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Phi H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Phi H tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/11/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Do mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng nên từ năm 2015 đến nay, bà đã về quê tại tỉnh Thanh Hóa sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn của bà và ông H đã được gia đình hai bên hòa giải những vẫn không khắc phục được. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Phi H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yến N, sinh ngày 20/02/2009 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo C, sinh ngày 12/8/2011. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; tạm thời bà không yêu cầu ông H đóng góp cho bà tiền cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Phi H trình bày:

Ông và bà Hoàng Thị L tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/11/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Do mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng nên từ năm 2012 đến nay, ông và bà L không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn của ông bà đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà L có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yến N, sinh ngày 20/02/2009 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo C, sinh ngày 12/8/2011. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cháu Yến N và cháu Bảo C cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời ông sẽ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Do bận công việc, không thể đến Tòa án để làm việc được nên ông xin vắng mặt tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị L. Cho bà Hoàng Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Phi H.

Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yến N, sinh ngày 20/02/2009 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo C, sinh ngày 12/8/2011. Giao cháu Yến N và cháu Bảo C cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời ông H sẽ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Đang sự khai không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà L phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Quá trình làm việc cả bà L và ông H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Phi H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2007 và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà L và ông H xác định vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2012 đến nay. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập các bên để hòa giải đoàn tụ nhưng đều các bên đều xin vắng mặt, thể hiện sự không tích cực phối hợp trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà L được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yến N, sinh ngày 20/02/2009 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo C, sinh ngày 12/8/2011. Ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Quá trình làm việc, ông H cũng đồng ý giao cháu Yến N và cháu Bảo C cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét thấy việc thảo thuận của các bên là phù hợp, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao cháu Nguyễn Hoàng Yến N và cháu Nguyễn Hoàng Bảo C cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không có yêu cầu nên tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Phi H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà L và ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà L và ông H khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Hoàng Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Phi H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Yến N, sinh ngày 20/02/2009 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo C, sinh ngày 12/8/2011 cho bà Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông Nguyễn Phai Hải không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Phi H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà L và ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà L và ông H khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Hoàng Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số **0011109 ngày 12/01/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Bà L đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Hoàng Thị L, ông Nguyễn Phi H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 52/2007 ngày 14/11/2007);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa